| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 97/2017/DSST
Ngày 25 – 9 – 2017

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN Tp. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Lê Đình Trung

- Ông Lê Phúc Tiếng

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Y Kam Ê Nuôl - Cán bộ Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*: Ông Đinh Văn Hải – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại Hội trường B - Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 573/2016/TLST-DS ngày 26/6/2016 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2017/QĐST-DS ngày 04/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2017/QĐST-DS ngày 18/9/2017 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng N.
Địa chỉ: Đường L, Quận B, Tp. Hà Nội
Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn D - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk *(Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014)*. Địa chỉ: Đường N1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.
Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Ngọc H – Chức vụ: Phó Giám đốc – Ngân hàng N chi nhánh H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk *(Giấy ủy quyền số 63/NHNo – UQ ngày 26/11/2016)*. Địa chỉ: Đường N1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

**2. Bị đơn:** Ông Phạm Minh A – Sinh năm 1964.
Địa chỉ: Tổ dân phố X, Phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
- Bà Phạm Thị A – Sinh năm: 1974
Địa chỉ: Tổ liên gia C, Khối X, phường T, Tp. B
- Nguyễn Thị K – Sinh năm: 1941
Địa chỉ: Tổ dân phố X, Phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk.
- Ông Phạm Quang H – Sinh năm 1973
Địa chỉ: Tổ dân phố X, Phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk.

*(Ông Phạm Ngọc H, ông Phạm Minh A có mặt; bà Nguyễn Thị K, bà Phạm Thị A, ông Phạm Quang H vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:** Ông Phạm Minh A có ký kết 02 hợp đồng tín dụng, vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh H, Tp. B, Đắk Lắk, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số LAV/HĐTD ngày 17/12/2014 ông Phạm Minh A vay của Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, phân kỳ trả nợ như sau: Ngày 16/12/2015 trả số tiền 50.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi phát sinh, ngày 16/12/2016 trả số tiền 50.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi phát sinh, ngày 16/12/2017 trả số tiền 100.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi phát sinh. Lãi suất tại thời điểm vay vốn là 11%/năm. Mục đích vay vốn là để chăn nuôi bò.

Để đảm bảo cho khoản vay này ông Phạm Minh A có ký kết Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 240012561/TC ngày 13/12/2014, thế chấp cho Ngân hàng tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 70, tờ bản đồ số 45, diện tích 249,3m$^2$ tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND Tp. B cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 864235 ngày 10/11/2014 đứng tên bà Phạm Thị A (Bà A ủy quyền cho ông Phạm Minh A được thế chấp tài sản này cho Ngân hàng theo Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng công chứng Đ Tp. B, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 10333 ngày 12/12/2014).

Từ khi vay đến nay ông Phạm Minh A đã trả được 5.561.111 đồng nợ lãi, phần nợ gốc thì ông A chưa trả được khoản nào. Tính đến thời điểm khởi kiện (ngày 31/10/2016), ông Phạm Minh A vẫn còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và nợ lãi là 38.744.444 đồng.

Trong thời gian ngân hàng khởi kiện tại Tòa án, ngày 05/12/2016 bà Phạm Thị A đã trả thay ông Phạm Minh A số tiền 70.000.000 đồng và ngân hàng đã trừ toàn bộ số tiền này vào nợ gốc của khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LAV/HĐTD ngày 17/12/2014. Như vậy, đối với hợp đồng tín dụng số LAV/HĐTD ngày 17/12/2014 ông Phạm Minh A còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh.

+ Hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-201 ngày 30/12/2014, ông Phạm Minh A vay của Ngân hàng số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng thời, phân kỳ trả nợ như sau: Ngày 28/12/2015 trả số tiền 20.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi phát sinh, ngày 28/12/2016 trả số tiền 30.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi phát sinh, ngày 28/12/2017 trả số tiền 30.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi phát sinh. Lãi suất tại thời điểm vay vốn là 11,5%/năm. Mục đích vay vốn là để sửa chữa nhà ở, mua sắm vật dụng gia đình.

Tài sản dùng để đảm bảo cho khoản vay này là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 125, tờ bản đồ số 30, diện tích 211,9m$^2$ tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND Tp. B cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AI 546808 ngày 30/8/2007 mang tên hộ Nguyễn Thị K. Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất của người khác số 240086606 ngày 29/12/2014, bà Nguyễn Thị K và thành viên trong hộ là ông Phạm Quang H đồng ý thế chấp cho ngân hàng tài sản nói trên để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-201 ngày 30/12/2014 giữa ông Phạm Minh A với Ngân hàng.

Đối với hợp đồng này, từ khi vay đến nay, ông Phạm Minh A đã trả cho ngân hàng được 4.676.667 đồng tiền nợ lãi, đối với phần nợ gốc thì ông A chưa trả được khoản nào.

Do ông Phạm Minh A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Phạm Minh A phải trả cho ngân hàng số tiền nợ của cả hai hợp đồng là 281.562.222 đồng: trong đó nợ gốc là 210.000.000 đồng và nợ lãi (Tạm tính đến hết ngày 30/6/2017) là 71.562.222 đồng và toàn bộ lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 01/7/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp ông Phạm Minh A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ.

**- Lời khai của bị đơn ông Phạm Minh A:** Tại bản tự khai ngày 28/11/2016 và tại phiên tòa, ông Phạm Minh A thừa nhận có ký kết 02 hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng N Chi nhánh H, Tp. B số tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng, để đảm bảo cho các khoản vay này ông Phạm Minh A có thế chấp cho Ngân hàng các tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 70, tờ bản đồ số 45, diện tích 249,3m$^2$ tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được UBND Tp. B cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 864235 ngày 10/11/2014 mang tên bà Phạm Thị A và Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 125, tờ bản đồ số 30, diện tích 211,9m$^2$ tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được UBND Tp. B cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AI 546808 ngày 30/8/2007 mang tên hộ Nguyễn Thị K. Do việc làm ăn gặp khó khăn nên ông chưa trả được nợ cho Ngân hàng.

**- Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị A:** Tại bản tự khai ngày 28/11/2016, bà Phạm Thị A thừa nhận có dùng tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 70, tờ bản đồ số 45, diện tích 249,3m$^2$ tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 864235 do UBND Tp. B cấp ngày 10/11/2014 mang tên Phạm Thị A) để đảm bảo cho khoản vay 200.000.000 đồng của ông Phạm Minh A tại Ngân hàng N Chi nhánh H.

*** Diễn biến tại phiên tòa:**

**- Đại diện Ngân hàng N có ý kiến:** Yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Phạm Minh A phải trả cho ngân hàng số tiền nợ của cả hai hợp đồng tín dụng số LAV/HĐTD ngày 17/12/2014 và số 5200-LAV-201 ngày 30/12/2014 là 281.562.222 đồng: trong đó nợ gốc là 210.000.000 đồng và nợ lãi (tạm tính đến hết ngày 30/6/2017) là 71.562.222 đồng và toàn bộ lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 01/7/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông Phạm Minh A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ.

**- Ý kiến của bị đơn ông Phạm Minh A:** Ông Phạm Minh A thừa nhận lời khai của đại diện Ngân hàng N tại phiên tòa là đúng. Việc bà Phạm Thị A đã trả thay cho ông số tiền 70.000.000 đồng và ngân hàng trừ toàn bộ số tiền này vào nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số LAV/HĐTD ngày 17/12/2014 thì ông đồng ý và không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, buộc ông phải trả khoản nợ gốc và nợ lãi của cả hai hợp đồng tín dụng là 281.562.222 đồng: trong đó nợ gốc là 210.000.000 đồng và nợ lãi (tạm tính đến hết ngày 30/6/2017) là 71.562.222 đồng và toàn bộ lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 01/7/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng thì ông đồng ý.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa trình bày quan điểm đối với việc giải quyết vụ án như sau:**

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa HĐXX và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N. Buộc buộc ông Phạm Minh A phải trả cho ngân hàng số tiền nợ của cả hai hợp đồng tín dụng số LAV/HĐTD ngày 17/12/2014 và số 5200-LAV-201 ngày 30/12/2014 là 281.562.222 đồng: trong đó nợ gốc là 210.000.000 đồng và nợ lãi (tạm tính đến hết ngày 30/6/2017) là 71.562.222 đồng và toàn bộ lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 01/7/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông Phạm Minh A không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng được quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp*: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" phát sinh trong hoạt động dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị K, ông Phạm Quang H không tham gia tố tụng mà không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bà Phạm Thị A, bà Nguyễn Thị K, ông Phạm Quang H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung quan hệ tranh chấp*: Ông Phạm Minh A vay của Ngân hàng N – Chi nhánh Đ – PGD H số tiền 280.000.000 đồng là có thật, được chứng minh qua các hợp đồng tín dụng số LAV/HĐTD ngày 17/12/2014 và số 5200-LAV-201 ngày 30/12/2014. Theo nội dung hợp đồng đã ký kết và sự thỏa thuận giữa các bên thì ông Phạm Minh A phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo các kỳ hạn đã thỏa thuận. Tuy nhiên ông Phạm Minh A chỉ mới trả cho Ngân hàng được số tiền nợ lãi của cả hai hợp đồng tín dụng là 10.237.777 đồng còn nợ gốc thì chưa trả. Như vậy, ông Phạm Minh A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 474 BLDS.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà Phạm Thị A (là chủ sở hữu Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 70, tờ bản đồ số 45, diện tích 249,3m$^2$ tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk mà ông Phạm Minh A đang thế chấp tại ngân hàng theo Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng công chứng Đ Tp. B, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 10333 ngày 12/12/2014) đã tự nguyện trả thay ông Phạm Minh A số tiền 70.000.000 đồng theo chứng từ giao dịch số hóa đơn 12050054000084 ngày 05/12/2016 và phía ngân hàng xác nhận đã khấu trừ toàn bộ vào nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số LAV/HĐTD ngày 17/12/2014.

Như vậy việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu phía ông Phạm Minh A phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng số tiền nợ của cả hai hợp đồng là 281.562.222 đồng (trong đó nợ gốc là 210.000.000 đồng và nợ lãi tính đến hết ngày 30/6/2017 là 71.562.222 đồng) và toàn bộ lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 01/7/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là phù hợp, cần chấp nhận. Buộc ông Phạm Minh A phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ như đã nêu trên.

Trường hợp ông Phạm Minh A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 240012561/TC ngày 13/12/2014 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất của người khác số 240086606 ngày 29/12/2014 để thu hồi nợ.

Trường hợp ông Phạm Minh A thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho ngân hàng thì Ngân hàng N có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phạm Thị A giấy tờ chứng nhận về tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 864235 do UBND Tp. B cấp ngày 10/11/2014 mang tên bà Phạm Thị A và hoàn trả cho bà Nguyễn Thị K  Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AI 546808 do UBND Tp. B cấp ngày 30/8/2007 mang tên hộ bà Nguyễn Thị K.

Tách số tiền 70.000.000 đồng mà bà Phạm Thị A đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Ngân hàng cho ông Phạm Minh A thành một vụ kiện dân sự độc lập khác trong trường hợp bà A có đơn yêu cầu.

- *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Phạm Minh A phải chịu án dân sự sơ thẩm phí theo quy định của pháp luật là (281.562.222 đồng x 5%) = 14.078.111 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 8.305.000 đồng tạm ứng án phí do Nguyễn Đức T nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041104 ngày 17/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Căn cứ pháp luật áp dụng:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 BLTTDS.
- Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476; Điều 715, Điều 717, Điều 721 BLDS 2005;
- Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/09/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

**2. Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Phạm Minh A phải trả cho Ngân hàng N số tiền 281.562.222 đồng (trong đó nợ gốc là 210.000.000 đồng và nợ lãi tính đến hết ngày 30/6/2017 là 71.562.222 đồng) cùng toàn bộ lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 01/7/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng. Cụ thể:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số LAV/HĐTD ngày 17/12/2014 ông Phạm Minh A phải trả số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh (tạm tính đến hết ngày 31/10/2016) là 50.242.500 đồng và toàn bộ lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 01/7/2016 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông Phạm Minh A thực hiện nghĩa vụ trả hết khoản nợ này cho ngân hàng thì Ngân hàng N có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phạm Thị A Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 864235 ngày 10/11/2014 mang tên bà Phạm Thị A.

Trường hợp ông Phạm Minh A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 240012561/TC ngày 13/12/2014 là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 70, tờ bản đồ số 45, diện tích 249,3m$^2$ tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 864235 do UBND Tp. B cấp ngày 10/11/2014 mang tên Phạm Thị A) để thu hồi nợ.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-201 ngày 30/12/2014, ông Phạm Minh A phải trả số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh (tạm tính đến hết ngày 31/10/2016) là 21.319.722 đồng và toàn bộ lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 01/7/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông Phạm Minh A thực hiện nghĩa vụ trả hết khoản nợ này cho ngân hàng thì Ngân hàng N có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị K Giấy chứng nhận Quyền

sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AI 546808 ngày 30/8/2007 mang tên hộ Nguyễn Thị K.

Trường hợp ông Phạm Minh A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất của người khác số 240086606 ngày 29/12/2014 là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 125, tờ bản đồ số 30, diện tích 211,9$m^2$ tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND Tp. B cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AI 546808 ngày 30/8/2007 mang tên hộ Nguyễn Thị K để thu hồi nợ.

Tách số tiền 70.000.000 đồng mà bà Phạm Thị A đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Ngân hàng cho ông Phạm Minh A thành một vụ kiện dân sự độc lập khác trong trường hợp bà A có đơn yêu cầu.

*3. Về án phí:*

Ông Phạm Minh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là (281.562.222 đồng x 5%) = 14.078.111 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 8.305.000 đồng tạm ứng án phí do Nguyễn Đức T nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041104 ngày 17/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thu Trang**